

技能実習生の友

2017年2月号



技能実習生
今月の一枚

入社後には、新しい仲間である技能実習生13名が、漢字一文字で表した決意表明を行いました。

(株式会社グリーンテック)

表紙に写真を載せませんか？
詳しくはJITCOホームページ
「技能実習Days」で
<http://www.jitco.or.jp/>

第25回外国人技能実習生・研修生日本語作文コンクール 作品募集のご案内

本冊子は、技能実習や研修及び日常生活に有用な情報を皆さんに発信することを目的に、偶数月（4月・6月・8月・10月・12月・2月）1日に発行しています。ウェブサイト版「技能実習生の友」と併せてご利用ください。

ウェブサイト版「技能実習生の友」 <http://www.jitco.or.jp/webtomo/>

本冊子是以向诸位提供技能实习及研修和日常生活的有用信息为目的，在偶数月（4月・6月・8月・10月・12月・2月）的1日发行。也请大家浏览网页版「技能实习生之友」。 <http://www.jitco.or.jp/webtomo/>

中国語版 [中文版]

1

Buletin ini diterbitkan setiap tgl 1 bulan genap (April, Juni, Agustus, Oktober, Desember, Februari), dengan tujuan untuk menyampaikan berbagai info yang bermanfaat bagi pemagangan, pelatihan maupun kehidupan sehari-hari. Silakan akses juga [Sahabat Peserta Pemagangan] versi situs web. <http://www.jitco.or.jp/webtomo/>

インドネシア語版 [Edisi Bahasa Indonesia]

7

Với mục đích giới thiệu những thông tin hữu ích liên quan tới cuộc sống hàng ngày cũng như việc tu nghiệp và thực tập kỹ năng, tờ tin này được phát hành vào những tháng chẵn (tháng 4, tháng 6, tháng 8, tháng 10, tháng 12, tháng 2). Mời các bạn truy cập vào trang web của tờ tin “Bạn của Thực tập sinh” <http://www.jitco.or.jp/webtomo/>

ベトナム語版 [Bản tiếng Việt]

13

วารสารนี้จัดทำขึ้นเพื่อเผยแพร่ข้อมูลข่าวสารที่เป็นประโยชน์ในการฝึกปฏิบัติงานด้านเทคนิค การฝึกอบรมและการใช้ชีวิตประจำวัน โดยจะออกทุกวันที่ 1 ของเดือนคู่(เม.ย., มิ.ย., ส.ค., ต.ค., ธ.ค., ก.พ.)

อย่าลืมเข้าไปดู “วารสารมิตรผู้ฝึกปฏิบัติงานด้านเทคนิค” บนเว็บไซต์ด้วย <http://www.jitco.or.jp/webtomo/>

タイ語版 [ฉบับภาษาไทย]

19

This newsletter is issued on the first of even month (April, June, August, October, December, February) to provide useful information on technical intern training and daily living in Japan.

Please also visit the Website version of “Technical Intern Trainees’ Mate.” <http://www.jitco.or.jp/webtomo/>

英語版 [English Version]

25

Bạn Của Thực Tập Sinh Kỹ Năng

Số 153 Tháng 2 Năm 2017 (Bản tiếng Việt)
 Phát hành : Phòng Quảng bá, Vụ Hành chính
 Tổ chức Hợp tác Tu nghiệp Quốc tế (JITCO)
 ĐT : 03-4306-1166
 Địa chỉ : Igarashi building, 11F
 2-11-5 Shibaura Minato-ku, Tokyo.

★★Chúng tôi sẵn sàng tư vấn bằng tiếng Việt những thắc mắc,
 lo âu của Thực tập sinh kỹ năng và Tu nghiệp sinh★★
 Về dịch vụ tư vấn bằng tiếng mẹ đẻ
 Điện thoại : 0120-022332 Fax: 03-4306-1114
 Thứ ba · thứ năm · Thứ bảy hàng tuần
 11 giờ ~ 19 giờ
 VỤ XÍ NGHIỆP-BAN TƯ VẤN

技能実習生の友

第 153 号 2017 年 2 月 <ベトナム語版>
 発行 公益財団法人 国際研修協力機構 (JITCO)
 総務部 広報室 電話 : 03-4306-1166
 〒108-0023 東京都港区芝浦 2-11-5
 五十嵐ビルディング 11F

★★技能実習生・研修生のみなさんの疑問や悩みなど
 ベトナム語で相談に応じます★★
 母国語相談
 電話 : 0120-022332 FAX : 03-4306-1114
 毎週火・木・土曜日 11:00~19:00
 -企業部 相談課-

Hiểu sâu hơn về Nhật Bản và Thế giới

日本と世界の理解を深めよう

Vùng miền

Tỉnh Ishikawa: Bắt đầu cho khách tham quan ngắm cò quăm Toki

地域

石川でトキの公開スタート

Vườn thú Ishikawa, thành phố Nomi, tỉnh Ishikawa, bắt đầu cho khách tham quan ngắm cò quăm Toki, loại động vật được công nhận là Vật bảo tồn đặc biệt quốc gia của Nhật Bản (xem ảnh). Đây là lần đầu tiên, một tỉnh ngoài đảo Sado của tỉnh Niigata cho khách tham quan ngắm cò quăm Toki. Khách tham quan vườn thú rất thích thú nhìn ngắm 5 con cò Toki có bộ lông màu hồng nhạt.

Cò quăm Toki vốn phân bố ở khắp nơi trên Nhật Bản, nhưng vì săn bắn bừa bãi nên vào năm 2003, có thời điểm giống cò này đã bị coi là tuyệt chủng ở Nhật. Để khôi phục lại, Nhật Bản đã mượn cò quăm Toki từ Trung Quốc để nuôi và nhân giống tại Trung tâm Bảo hộ cò quăm Toki ở đảo Sado, thành phố Sado, rồi thả vào thiên nhiên. Để phòng ngừa cò quăm Toki chết hàng loạt do bị dịch bệnh, Nhật Bản chia cò quăm Toki ra nuôi tại nhiều địa điểm khác nhau và 10 năm trước, vườn thú Ishikawa đã bắt đầu nuôi cò quăm Toki.



いしかわけんの みし 石川県能美市のいしかわ動物園で11月19日、国特別天然記念物・トキの一般公開が始まりました = 写真。
 新潟県佐渡市以外での公開は初めて。訪れた人は薄紅色の5羽の姿に見入っていました。

トキはかつて日本各地にいましたが、乱獲などで数が減り、2003年にいったん国内では絶滅しました。このため中国からつがいを譲ってもらい、佐渡市の佐渡トキ保護センターで数を増やして自然に放つなどしています。病気の流行で大量死しないよう、いくつかの施設で飼うようになり、いしかわ動物園では10年から飼いはじめていました。

Tuyết đầu mùa

Lần đầu tiên trong 54 năm, Tokyo có tuyết đầu mùa vào tháng 11

初雪

東京に 11月は54年ぶり

Ngày 24/11, Tokyo đã có tuyết đầu mùa. So với trung bình hàng năm, thì tuyết đầu mùa năm nay đến sớm hơn 40 ngày. Tính từ ngày 11/11/1962 đến nay thì đây là lần đầu tiên trong vòng 54 năm tuyết đầu mùa tại Tokyo mới lại đến sớm như vậy. Ngày 24, tuyết đầu mùa đã rơi tại khu vực Kanto, Koushin, thành phố Mito của tỉnh Ibaraki và thành phố Utsunomiya của tỉnh Tochigi. Nguyên nhân là do luồng không khí lạnh trên khí quyển của vùng cực Bắc đổ xuống quần đảo Nhật Bản đã khiến tuyết đầu mùa đến sớm như vậy.

Do trận tuyết này mà đã có nhiều người bị thương. Tại thành phố Kodaira, của Tokyo, có một người đàn ông bị ngã khi đang đi bộ. Ngoài ra, do tuyết trơn trượt nên đã xảy ra nhiều tai nạn giao thông, tàu điện bị chậm trễ.

気象庁は11月24日、東京で初雪を観測したと発表しました。平年に比べて40日早く、11月の観測は1962年11月22日以来、54年ぶりです。関東・甲信地方では24日、茨城県水戸市、栃木県宇都宮市などでも初雪が観測されました。北極上空の空気が日本列島に流れ込んだためとみられます。

この雪の影響で、東京都小平市で歩いていた男性が足を滑らせて転倒するなど、各地で人が相次ぎました。また、スリップによる交通事故や鉄道の遅れが発生しました。

Những bài viết, ảnh trong mục này do báo "Mainichi Sogakusei" cung cấp. Nghiêm cấm việc đưa lại hoặc sao chép.
 このコーナーの記事・写真は「毎日小学生新聞」から提供されています。複製、転用はできません。

Văn hóa	Hình thức lễ hội “Yama-Hako-Yatai” được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO
---------	--

Hình thức lễ hội “Yama – Hako – Yatai Gyoji” trong đó có lễ hội 「Takayama Matsuri no Yataigyoji」 (Tỉnh Gifu) cùng với 33 lễ hội khác của 18 tỉnh trên cả nước, đã chính thức được công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO). Ngày 30/11, đại hội đồng của UNESCO họp tại Etiopia, châu Phi đã chính thức ra quyết định công nhận này. Như vậy tổng cộng Nhật Bản có 21 hình thức văn hóa được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới, trong đó có kịch Nogaku, Kabuki và âm thực Washoku.

Di sản văn hóa phi vật thể cùng với “Di sản thế giới” và “Ký ức thế giới” (Di sản ký ức thế giới) là 3 hình thức di sản lớn nhất của UNESCO. Những hoạt động văn hóa, tập quán xã hội, lễ hội, thủ công truyền thống v.v. là những đối tượng được xem xét dựa trên “Công ước về Bảo vệ Di sản Phi vật thể” của UNESCO để được công nhận và bảo tồn. Trong đợt xét duyệt năm 2011, lễ hội Takayama ở vùng Chichibu không được công nhận với lý do trước đó đã có 2 di sản tương tự được công nhận. Sau đó, chính phủ Nhật Bản đã xếp những lễ hội tương tự vào một nhóm để đăng ký xin công nhận.

文化	山・鉾・屋台の無形遺産決定 ユネスコ、高山祭など33件
----	--------------------------------

「高山祭の屋台行事」(岐阜県)など18府県計33件の祭りて構成する「山・鉾・屋台行事」が無形文化遺産に登録されることが正式に決まりました。国連教育科学文化機関(ユネスコ)が11月30日にアフリカのエチオピアで開いた会合で決めました。日本の無形文化遺産は、能楽や歌舞伎、和食など計21件になります。

無形文化遺産は、「世界遺産」「世界の記憶」(世界記憶遺産)と並びユネスコ三大遺産と呼ばれます。芸能、社会的慣習、祭り、伝統工芸などが対象で、ユネスコの「無形文化遺産の保護に関する条約」に基づき登録して保護します。秩父祭と高山祭は、2011年の審査で登録済みの2件と似ていることを理由に退けられたため、政府は特徴の似た行事をグループ化して申請していました。

Danh sách di sản văn hóa phi vật thể “Yama-Hako-Yatai Gyoji” của UNESCO			Thời điểm tổ chức
Tỉnh Aomori	Tp. Hachinohe	Đại Lễ hội Hachinohe Sansha	Thượng tuần tháng 8
	Tp. Senboku	Lễ hội Kakunodate	Thượng tuần tháng 9
Tỉnh Akita	Tp. Akita	Lễ hội đền Tsuchizaki Shimmei	Trung và hạ tuần tháng 7
	Tp. Kazuno	Lễ hội Hanawa	Trung tuần tháng 8
Tỉnh Yamagata	Tp. Shinjo	Lễ hội Shinjo	Hạ tuần tháng 8
Tỉnh Ibaraki	Tp. Hitachi	Lễ hội Hitachi Fuyumono	Thượng và trung tuần tháng 4
Tỉnh Tochigi	Tp. Nasu Karasuyama	Lễ hội Karasuyama Yamaage	Hạ tuần tháng 7
	Tp. Kanuma	Lễ hội đền Kanuma Imamiya	Thượng và trung tuần tháng 10
Tỉnh Saitama	Tp. Chichibu	Lễ hội Chichibu	Thượng tuần tháng 12
	Tp. Kawagoe	Lễ hội Kawagoe Hikawa	Trung và hạ tuần tháng 10
Tỉnh Chiba	Tp. Katori	Lễ hội Sawara	Tháng 7 và 10
Tỉnh Toyama	Tp. Takaoka	Lễ hội Takaoka Mikurumayama	Thượng tuần tháng 5
	Tp. Uozu	Lễ hội Tatemon vùng Uozu	Thượng tuần tháng 8
Tỉnh Nanto	Tp. Nanto	Lễ hội Johana Hikiyama I	Thượng tuần tháng 5
	Tp. Nanao	Lễ hội Seihaku	Thượng tuần tháng 5
Tỉnh Ishikawa	Tp. Takayama	Lễ hội Takayama	Tháng 4 và 10
	Tp. Hida	Lễ hội Furukawa	Trung tuần tháng 4
Tỉnh Gifu	Tp. Ogaki	Lễ hội Ogaki	Thượng và trung tuần tháng 5
	Tp. Tsushima, Tp. Aisai	Lễ hội Owari Tsushima Tennoh	Hạ tuần tháng 7
Tỉnh Aichi	Tp. Chiryu	Lễ hội Chiryu	Thượng tuần tháng 5
	Tp. Inuyama	Lễ hội Inuyama	Thượng tuần tháng 4
	Tp. Handa	Lễ hội Kamezaki Shiohi	Thượng tuần tháng 5
	Thị xã Kanie	Lễ hội Sunari	Thượng tuần tháng 8
Tỉnh Mie	Tp. Yokkaichi	Lễ hội Kujirabune của đền Toride	Trung tuần tháng 8
	Tp. Iga	Lễ hội Ueno Tenjin	Hạ tuần tháng 10
	Tp. Kuwana	Lễ hội Kuwana Ishidori	Thượng tuần tháng 8
Tỉnh Shiga	Tp. Nagahama	Lễ hội Nagahama Hikiyama	Trung tuần tháng 4
Tỉnh Kyoto	Tp. Kyoto	Phần rước kiệu Yamahoko của Lễ hội Kyoto Gion	Hạ tuần tháng 7
Tỉnh Fukuoka	Tp. Fukuoka	Lễ hội Hakata Gion Yamakasa	Thượng tuần tháng 7
	Tp. Kita-kyushu	Lễ hội Tobata Gion	Hạ tuần tháng 7
Tỉnh Saga	Tp. Karatsu	Lễ hội Karatsu Kunchi	Thượng tuần tháng 11
Tỉnh Kumamoto	Yatsushiro	Lễ hội Yatsushiro Myoken	Hạ tuần tháng 11
Tỉnh Oita	Tp. Hita	Lễ hội Hita Gion	Hạ tuần tháng 7

ユネスコ無形文化遺産の「山・鉾・屋台行事」				例年の開催時期
青森	八戸市	八戸三社大祭の山車行事	8月上旬	
	仙北市	角館祭りのやま行事	9月上旬	
秋田	秋田市	土崎神社祭の曳山行事	7月中下旬	
	鹿角市	花輪祭の屋台行事	8月中旬	
山形	新庄市	新庄まつりの山車行事	8月下旬	
茨城	日立市	日立風流物	4月上中旬	
栃木	那須烏山市	烏山の山あげ行事	7月下旬	
	鹿沼市	鹿沼今宮神社祭の屋台行事	10月上中旬	
埼玉	秩父市	秩父祭の屋台行事と神楽	12月上旬	
	川越市	川越氷川祭の山車行事	10月中下旬	
千葉	香取市	佐原の山車行事	7月と10月	
富山	高岡市	高岡御車山祭の御車山行事	5月上旬	
	魚津市	魚津のタテモン行事	8月上旬	
石川	南砺市	城端神明宮祭の曳山行事	5月上旬	
	七尾市	青柏祭の曳山行事	5月上旬	
岐阜	高山市	高山祭の屋台行事	4月と10月	
	飛騨市	高川祭の起し太鼓・屋台行事	4月中旬	
大垣市	大垣祭の輦行事	5月上中旬		
	津島市・愛西市	尾張津島天王祭の車楽舟行事	7月下旬	
愛知	知立市	知立の山車文楽とからくり	5月上旬	
	犬山市	犬山祭の車山行事	4月上旬	
半田市	亀崎瀬干祭の山車行事	5月上旬		
	蟹江町	須成祭の車楽船行事と神楽流し	8月上旬	
四日市市	島出神社の鯨船行事	8月中旬		
三重	伊賀市	上野天神祭のダンジリ行事	10月下旬	
	桑名市	桑名石取祭の祭車行事	8月上旬	
滋賀	長浜市	長浜曳山祭の曳山行事	4月中旬	
京都	京都市	京都祇園祭の山鉾行事	7月中下旬	
	福岡市	博多祇園大山笠行事	7月上中旬	
福岡	北九州市	戸畑祇園大山笠行事	7月下旬	
	唐津市	唐津くちの曳山行事	11月上旬	
熊本	八代市	八代妙見祭の神幸行事	11月下旬	
大分	日田市	日田祇園の曳山行事	7月下旬	

Thông tin thực tập kỹ năng

技能実習情報

Thông báo về cuộc thi viết tiếng Nhật dành cho tu nghiệp sinh, thực tập sinh kỹ năng lần thứ 25 của JITCO

Chào các bạn tu nghiệp sinh, thực tập sinh,
Năm nay JITCO cũng tổ chức cuộc thi viết tiếng Nhật dành cho thực tập sinh kỹ năng và tu nghiệp sinh.

1. Tư cách dự thi

Là tu nghiệp sinh, hoặc thực tập sinh kỹ năng người nước ngoài lưu trú tại Nhật Bản trong thời gian cuộc thi diễn ra.

▼**Mỗi người được gửi 1 bài. Chỉ nhận những bài tự viết và chưa tham gia bất kỳ cuộc thi nào.**

2. Thời gian nhận bài

Từ thứ Hai, ngày 3-4-2017 đến hết thứ Sáu, ngày 12-5-2017.

3. Chủ đề bài viết

Chủ đề tự do (Chúng tôi không quy định chủ đề, nên các bạn có thể viết theo đề tài tùy thích)

4. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Nhật

5. Hình thức bài viết

Viết trong vòng 1200 chữ (không tính tên tựa), trên 3 trang giấy 400 chữ, khổ A4.

▼Người tham dự phải tự viết tay. Không nhận bài viết bằng máy xử lý văn kiện, máy vi tính và bản copy.

▼Nhớ ghi tên tựa bài viết và tên người dự thi (viết bên ngoài khung kẻ của giấy viết).

▼Bài viết theo dòng thẳng đứng hoặc dòng ngang đều được.

▼Chúng tôi không quy định loại bút nhưng khuyên các bạn nếu dùng bút chì, **hãy sử dụng loại chì mềm từ 2B trở lên.**

▼Giấy kẻ ô để viết bài có thể tải từ trang chủ của JITCO (<http://www.jitco.or.jp/>) hoặc từ trang tài liệu học tiếng Nhật ひろば (<http://hiroba.jitco.or.jp/>).

6. Cách gửi bài dự thi

Điền vào những chỗ cần thiết trong đơn dự thi, đính kèm bài dự thi, và gửi đến địa chỉ ghi dưới đây qua đường bưu điện.

<Địa chỉ gửi bài>

Cơ quan Công ích Pháp Nhân, Cơ quan Hợp tác Tu nghiệp Quốc tế (JITCO)

Nouryoku Kaihatsu-bu, Enjo-ka, "Sakubun Konkuuru Jimukyoku"
〒108-0023

Tokyo-to, Minato-ku, Shibaura 2-11-5

Igarashi Buildig 11F

▼Đơn dự thi có đính ở trang bìa cuối của bản tin này. Các bạn hãy copy để dùng, hoặc tải từ trang chủ của JITCO, và từ trang Giáo

第25回外国人技能実習生・研修生日本語 作文コンクール作品募集のご案内

技能実習生・研修生のみさんこんにちは。
今年も外国人技能実習生・研修生対象の日本語作文コンクールを開催します。

1. 応募資格

募集期間内に、日本に在留する外国人技能実習生又は研修生であること

▼**応募は1人1作品で、自作の未発表作品に限ります。**

2. 募集期間 2017年4月3日(月)～
2017年5月12日(金) 必着

3. テーマ 自由(特定のテーマを設けませんので自由にお書きください。)

4. 使用言語 日本語

5. 応募形式

A4サイズの400字詰め原稿用紙3枚で、文字数1,200字以内(本文)

▼本人自筆の原本に限ります。ワープロ・パソコン使用による原稿及びコピー原稿は受け付けません。

▼作品には必ず題名と氏名を記入してください。(原稿用紙の枠外)

▼原稿は縦書きでも横書きでもかまいません。

▼筆記用具の指定は特にありませんが、鉛筆の場合は2B以上の濃い鉛筆をお使いください。

▼原稿用紙は、JITCOホームページ(<http://www.jitco.or.jp/>)・JITCO日本語教材ひろば(<http://hiroba.jitco.or.jp/>)からダウンロードできます。

6. 応募方法

応募用紙に必要な事項を記入のうえ、応募作品に添付し、次の宛先へ郵送してください。

<作品応募先>

公益財団法人 国際研修協力機構
能力開発部援助課 作文コンクール事務局

〒108-0023 東京都港区芝浦2-11-5

五十嵐ビルディング11階

▼応募用紙は、本冊子の裏表紙に掲載しておりますので、コピーしてお使いください。

また、JITCOホームページ・JITCO日本語教材ひろば

trình tiếng Nhật ひろば của JITCO.

- ▼Đơn dự thi có thể do người khác viết hộ cũng được.
- ▼Khi điền đơn dự thi, chú ý không để bị sót các chi tiết.
- ▼Không nhận bài gửi bằng FAX hay E-mail.

7. Giải thưởng

Giải nhất: (Tu nghiệp sinh/Thực tập sinh kỹ năng khoảng 4 người)

Bằng khen và tiền thưởng (5 vạn yên).

Giải nhì: (Tu nghiệp sinh/Thực tập sinh kỹ năng khoảng 4 người)

Bằng khen và tiền thưởng (3 vạn yên).

Giải ba: (Tu nghiệp sinh/Thực tập sinh kỹ năng khoảng 20 người)

Bằng khen và tiền thưởng (2 vạn yên).

▼Ngoài những giải trên còn có giải khuyến khích, với phần thưởng là quà kỷ niệm.

▼Bài trúng giải và bài khuyến khích sẽ được đăng trong “Tuyển tập những bài viết hay của cuộc thi viết tiếng Nhật”.

8. Thông báo kết quả

Kết quả sẽ được thông báo cho người đoạt giải thông qua cơ quan mà người dự thi trực thuộc, cũng như trên trang web của JITCO vào khoảng cuối tháng 8 năm 2017.

9. Những chi tiết khác

- (1) Không nhận trả lời bất cứ câu hỏi nào liên quan đến việc chấm thi.
- (2) Những bài tham dự không đáp ứng các điều kiện của cuộc thi sẽ không được chấm.
- (3) Những thông tin cá nhân ghi trên đơn dự thi chỉ được dùng trong phạm vi cần thiết để tổ chức cuộc thi.
- (4) Không trả lại bài dự thi.
- (5) Tác quyền của bài dự thi thuộc về JITCO.

10. Muốn biết thêm chi tiết, xin liên hệ đến:

Cơ quan Công ích Pháp Nhân, Cơ quan Hợp tác Tu nghiệp Quốc tế (JITCO)

Ban Nouryoku-kaihatsu-bu, Phòng Enjo-ka

“Sakubun Konkuuru Jimukyoku”.

Điện thoại: 03-4306-1183 Fax: 03-4306-1115

★ Hướng dẫn dự thi các ngôn ngữ khác★

Bạn có thể tải Hướng dẫn dự thi được dịch sang các ngôn ngữ Trung, Anh, Việt, Thái và Indonesia từ trang Giáo trình tiếng Nhật Hiroba của JITCO (<http://hiroba.jitco.or.jp/>).

☆Mời các bạn tham dự☆

Những bạn có bài gửi dự thi thì chúng tôi xin gửi tặng một cuốn “Tuyển tập những bài viết được giải”, trong đó có in danh sách tất cả những bạn có bài dự thi kèm (có ghi tên, tuổi và cơ quan thực tập kỹ năng).

からもダウンロードできます。

- ▼応募用紙は、応募者本人以外の方が記入してもかまいません。
- ▼応募用紙は、記入漏れのないようにお願いします。
- ▼FAXやE-mailでは受け付けません。

7. 賞

最優秀賞 (技能実習生・研修生計4名程度)

…表彰状及び賞金(5万円)

優秀賞 (技能実習生・研修生計4名程度)

…表彰状及び賞金(3万円)

優良賞 (技能実習生・研修生計20名程度)

…表彰状及び賞金(2万円)

▼上記入賞作品の他に佳作を選出し、記念品を授与します。

▼上記入賞作品及び佳作の作品は「日本語作文コンクール優秀作品集」に掲載します。

8. 入賞作品の発表

所属機関を通じて入賞者に通知するとともに、2017年8月下旬にJITCOホームページで発表する予定です。

9. その他

- (1) 審査に関するお問い合わせには、一切お答えできません。
- (2) 募集要項に即していない作品は、審査の対象外となります。
- (3) 応募用紙に記載された個人情報、本コンクールの運営に必要な範囲内で利用します。
- (4) 応募作品は返却しません。
- (5) 応募作品の著作権はJITCOに帰属します。

10. お問い合わせ先

公益財団法人 国際研修協力機構

能力開発部援助課 作文コンクール事務局

電話：03-4306-1183 / FAX：03-4306-1115

★各言語の募集案内★

JITCO日本語教材ひろば (<http://hiroba.jitco.or.jp/>) から中国語、英語、ベトナム語、タイ語、インドネシア語に翻訳された募集案内をダウンロードできます。

☆みなさんぜひ応募してください☆

応募された皆様には巻末に応募者全員の名簿 (氏名・所属機関名) を記載した優秀作品集をひとりに1冊ずつ無料でさしあげます

Những bài viết hay trong các kỳ Thi viết tiếng Nhật trước đây ~ Có chí thì nên

(Bài được giải Nhất trong cuộc Thi viết tiếng Nhật dành cho Thực tập sinh-Tu nghiệp sinh người nước ngoài năm 2004)

Vòng tay thân ái (Của bạn Ha Tien Dung)

Tôi sinh ra và lớn lên ở một vùng quê nghèo đói ở Việt Nam. Bố tôi mất sớm, mẹ tôi thì bệnh tật. Để giúp đỡ gia đình và góp phần vào việc phát triển đất nước Việt Nam, tôi đã có một quyết định to lớn: Đến Nhật Bản.

Ngày 17/7/2012, tôi đến Nhật. Đây là dịp mà giá trị quan của tôi có thay đổi lớn lao.

Khi mới đến Nhật, tôi nhìn thấy những cảnh mà chưa bao giờ thấy: những tòa nhà cao tầng, những con người bận rộn đi lại, những chuyến tàu đông nghẹt hành khách... Những hình ảnh này khiến tôi càng háo hức với cuộc sống tại Nhật Bản. Nhưng rào cản về ngôn ngữ, việc thực tập cũng không có tiến bộ khiến tôi đâm nhớ nhà.

Đúng lúc đó, tình cảm nồng ấm của người Nhật Bản đã cứu tôi.

Tôi bắt đầu đi học tiếng Nhật. Giáo viên tình nguyện dạy tiếng Nhật ở đó, mặc dù bận rộn nhưng vẫn dành thời gian dạy cho tôi không những tiếng Nhật mà còn cả về tập quán trong đời sống ở Nhật Bản, coi tôi như con. Một hôm tôi hỏi "Tại sao cô lại dạy tiếng Nhật miễn phí cho người nước ngoài thế này?" thì cô không nói, chỉ mỉm cười. Sau đó cô mới nói "Em hãy cố gắng học cho giỏi để sau này làm giáo viên tình nguyện dạy lại cho những người giống như em nhé." Tôi quá cảm động, không nói được gì, chỉ biết gật đầu.

Một hôm, tôi nhận được một chiếc điện thoại di động bị rơi trong nhà vệ sinh. Tôi nghĩ chắc ai đó đang lo lắng lắm nên tôi mang chiếc điện thoại đó ra, trao lại cho nhân viên nhà ga nhưng không để lại địa chỉ liên lạc của mình.

Hôm sau, nói chuyện đó với người bạn lớn hơn làm tại công ty thì bạn tôi nói "Em Dung giống người Nhật rồi. Sao em không để lại địa chỉ liên lạc?" Chắc là vì tôi đã học được "Tám lòng của người Nhật" và tự nhiên làm theo thôi.

Ở Nhật, Ở Nhật, tôi thường xuyên nhìn thấy người nhật rác trên đường, người chỉ đường cho ai bị lạc, người trả đồ đánh rơi. Tôi đã hiểu được sâu sắc rằng không chỉ nghĩ tới bản thân mà còn giúp đỡ cho người khác, làm những điều tốt thì bản thân mình cũng sẽ hạnh phúc.

3 năm làm thực tập sinh kỹ năng trôi qua thật nhanh và giờ đây

ベトナム語版 [Bản tiếng Việt]

日本語作文コンクール 過去の名作公開！～なせばなる

[外国人技能実習生・研修生日本語作文コンクール]

2014年最優秀賞]

親切の輪 (ハーティエンズン)

私はベトナムの貧しい田舎で生まれ育ちました。父は早くに亡くなり、母は病弱です。自分の家族のため、ベトナムの発展のために一大決心をして、日本にきました。

2012年7月17日に日本へ入国しました。これが、私の価値観を変える大きな転機となりました。

日本に来た当初は、今まで見た事のない高層ビルや、忙しく行き交う人々、満員電車を見て、日本でのこれらの生活に期待に胸がふくらみました。しかし、言葉の壁やなかなか上達しない実習でホームシックになりました。

そんな時に、私を救ったのは日本人の温かさでした。私は、日本語教室に通っています。そこでボランティアで日本語を教えてくださっている先生は、自分の時間を割き、日本語のみならず、日本の生活習慣について自分の子供のように教えてくださいました。ある時、「どうして日本語を外国人に無料で教えているのですか」と私が聞くと先生はただ微笑んでいるだけでした。そして、「一生懸命勉強して、日本語が上手になったら、あなたのような人に日本語をボランティアで教えてください」とおっしゃいました。私は、感動してただうなずく事しかできませんでした。

ある日、駅のトイレで携帯電話の落とし物を拾いました。誰かが困っているだろうとすぐに駅員室に届け、自分の連絡先を告げませんでした。

翌日、会社の先輩にその話をすると、「ズンさんは日本人みたいですね、どうして自分の連絡先を教えなかったのか」と言われましたが、それは私が日本で学んだ「日本の心」が自然と出たものでした。

công việc thực tập sắp kết thúc. Từ khi đến Nhật Bản, cách sống, cách suy nghĩ của tôi đã thay đổi nhiều. Không những chỉ thực tập kỹ năng tại công ty mà như câu nói “Naseba naru - Có chí thì nên”, hàng ngày tôi thức dậy sớm, dành 3 giờ để học tiếng Nhật. Và nỗ lực đó đã mang lại kết quả, tôi đã thi đỗ N2 của kỳ thi năng lực tiếng Nhật. Khi đó, lần đầu tiên kể từ khi đến Nhật, tôi đã khóc.

Nay, tôi có một ước mơ. Đó là sau khi trở về Việt Nam, sẽ mở rộng được vòng tay thân ái đã học được ở Nhật Bản.

Trong mục “Thông tin Thực tập Kỹ năng” lần này, chúng tôi thông báo về việc nhận bài viết để gửi dự thi Cuộc thi viết tiếng Nhật dành cho Thực tập sinh và Thu nghiệp sinh người nước ngoài lần thứ 25 nên hôm nay, chúng tôi xin giới thiệu bài viết được giải Nhất trong cuộc thi này. Chúng tôi đã lựa chọn bài viết này, một trong số những bài được trao giải Nhất trong cuộc thi lần thứ 23. Bài viết thể hiện sự nỗ lực của tác giả, dù có nhớ nhà khi mới sang Nhật nhưng vẫn cố gắng để hiểu được “tâm lòng của người Nhật” và sau cùng còn có được mơ ước nữa.

Trong cuộc sống hàng ngày ở Nhật, xa quê mẹ, các bạn có thể nhận thấy nhiều điều và cảm nhận nhiều điều. Trong cuộc thi năm ngoái, khi phát biểu về một bài viết được giải Nhật, trưởng ban giám khảo đã đánh giá cao bài viết và nói “Có thể nói, bài viết đã khiến cho độc giả cảm động sâu sắc trước sức mạnh của ý chí ‘Thế nào cũng muốn truyền đạt lại’ những điều vui, những điều mà người viết nhận ra”. Việc viết bài tham dự cuộc thi Viết tiếng Nhật, đối với các bạn có thể là việc khá khó khăn nhưng các bạn hãy thử sức mình nhé. Giống như nghị lực “Naseba naru - Có chí thì nên” thể hiện trong bài viết mà chúng tôi giới thiệu lần này, nếu nỗ lực thì nhất định sẽ dẫn tới thành công.

※Bài đăng nguyên văn theo bài viết của thực tập sinh kỹ năng.

Ban biên tập chỉ viết thêm furigana.

Mục “Cùng vào bếp! Cùng nấu những thức ăn đúng mùa!” nghỉ.

日本では、道でゴミ拾いをする人、道に迷った人を助ける人、落とし物を届ける人をよく見ます。自分の利益を考へるのではなく他者に施す事、良い行いをする事で自分も幸せになれるという事を私は深く学びました。

私の3年の実習はあつと言う間で、日本での技能実習が間もなく終わろうとしています。日本に来て、私の生き方や考え方は大きく変わりました。会社での技能実習はもちろんのこと、「為せばなる」という言葉を胸に毎日早起きをして3時間日本語を勉強しました。その努力が実を結び、日本語能力試験2級に合格しました。私が日本に来て初めて泣いた時でした。

私はいま、夢があります。ベトナムへ帰国後、私は日本で学んだ親切の輪を祖国にも広げたいです。

今号の〈技能実習情報〉では、第25回外国人技能実習生・研修生日本語作文コンクールの作品募集をご案内していますので、今回のこのコーナーでは同コンクールの過去の優秀作品をご紹介します。来日当初はホームシックにかかったものの「日本の心」に触れ、最後には夢を持つまでになったというこの作品が、第23回最優秀賞の1つに選ばれました。

皆さんも母国を離れ日本で生活しながら、日々感じたり気付いたりすることがたくさんあると思います。昨年のコンクール授賞式では、最優秀賞作品について審査委員長は「日本で感じた喜びや気付きについて『これだけはどうしても伝えたい』という思いの強さが、読者により深い感動を与えたのではないかと講評しました。皆さんが日本語で作文を書きコンクールに参加するというのは大変なことかもしれませんが、是非挑戦してみてください。今回ご紹介した作文のように「為せばなる」、そして努力はきっと実を結ぶでしょう。

※作文は技能実習生が書いた通りの日本語で掲載しています。振り仮名は編集部で付けました。

〈〈食べよう！ 作ろう！ 旬の味〉はお休みしました〉

第25回外国人技能実習生・研修生日本語作文コンクール応募用紙 受付ID:

作品題名

応募者情報

氏名	(ローマ字※1:)		
	(フリガナ:)		
	性別	男性	女性
生年月日	西暦	年	月 日
年齢	歳		
出身国			
区分	技能実習生(1号)	技能実習生(2号)	研修生
職種			
入国日	西暦	年	月 日
帰国予定日	西暦	年	月 日

応募者連絡先※2

実習実施機関	名称		
	所在地	〒 -	
	電話番号	()	-
	F A X	()	-
	担当者氏名		
監理団体	名称		
	所在地	〒 -	
	電話番号	()	-
	F A X	()	-
	担当者氏名		

応募用紙記入上の注意

- ・2017年5月12日(金)時点で該当する内容についてお書きください。
- ・応募用紙は、応募者本人以外の方が記入してもかまいません。
- ※1 中国人技能実習生・研修生の方は、漢語拼音(ピンイン)をご記入ください。(例: 成龙→ Cheng Long)
- ※2 団体監理型の場合は、実習実施機関・監理団体の両方の欄を記入してください。